

BROKERAGE AGREEMENT

THỎA THUẬN MÔI GIỚI

This Brokerage Agreement ("Agreement") is made by and between:

Thỏa Thuận Môi Giới này ("Thỏa Thuận") được lập bởi và giữa:

Party A: [REDACTED] Company, a company established and operating under the law of Hungary, with a business code of [REDACTED] having head office address at: [REDACTED],

Bên A: Công ty [REDACTED], một công ty được thành lập và hoạt động theo pháp luật Hung-ga-ri có mã số công ty là [REDACTED], có địa chỉ trụ sở chính tại: [REDACTED].

AND/ VÀ

Party B: ABC COMPANY LIMITED, a company legally established and operating under the law of Vietnam, with a business code of 0312971617, having head office address at: The third floor, Vietcomreal Building, No. 68 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Bên B: CÔNG TY TNHH ABC, một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, có mã số doanh nghiệp là 03xxxxx, có địa chỉ trụ sở chính tại:, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Party A and Party B hereinafter separately referred to as "Party" and collectively as "Parties".

Bên A và Bên B trong Thỏa Thuận này khi gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Các Bên".

WHEREAS/ XÉT RẰNG:

A. Party A wishes to find parties to buy goods owned by Party A.

Bên A có mong muốn tìm các bên mua hàng hóa thuộc sở hữu của Bên A.

B. Party B has enough capacity and relationship to find and introduce customers to Party A.

Bên B có đủ khả năng và mối quan hệ để tìm kiếm và giới thiệu khách hàng cho Bên A.

THEREFORE, in consideration of the commitments herein, Parties agree to sign the Agreement with the following terms and conditions:

DO VẬY, căn cứ vào các cam kết nêu tại đây, Các Bên đồng ý ký kết Thỏa Thuận này với các điều kiện và điều khoản sau:

ARTICLE 1. COMMERCIAL TERMS/ ĐIỀU 1. CÁC ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI

Terms Điều khoản	Contents Nội dung
1.1. Definitions Định nghĩa	<p>a. “EUR”: means an unit of currency in European Economic and Monetary Union <i>“EUR”: là đơn vị tiền tệ của Liên minh Kinh tế và Tiền tệ Châu Âu.</i></p> <p>b. “Vietnam”: means The Socialist Republic of Viet Nam. <i>“Việt Nam”: là Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam</i></p> <p>c. “VND” or “Dong”: means the legal currency of Vietnam. <i>“VND” hoặc “Đồng”: là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.</i></p>
1.2. Scope of works (Services) Phạm vi công việc (Dịch Vụ)	<p>Party B shall implement the following works for Party A <i>Bên B sẽ thực hiện các công việc sau cho Bên A:</i></p> <p>a. Based on information provided by Party A, Party B conducts the activities of marketing, promoting and introducing products which are traded by Party A, and Party A’s brands in various forms to customers. <i>Dựa trên thông tin do Bên A cung cấp, Bên B triển khai các hoạt động truyền thông, quảng bá giới thiệu sản phẩm do Bên A kinh doanh, thương hiệu của Bên A theo nhiều hình thức khác nhau tới khách hàng.</i></p> <p>b. Supporting and guiding the signing of sale and purchase contracts between Party A and customer. <i>Hỗ trợ, hướng dẫn việc ký kết hợp đồng mua bán giữa Bên A và khách hàng.</i></p> <p>c. Providing support in supervising the quality of goods, the payment of the sale and purchase contracts signed between Party A and customer. <i>Hỗ trợ giám sát chất lượng hàng hóa, việc thanh toán đối với hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký giữa Bên A và khách hàng.</i></p> <p>During the term of the Agreement, Party B is entitled to exclusively introduce Party A's products to customers in Vietnam who have not been known by Party A. <i>Trong thời hạn của Thỏa Thuận, Bên B được độc quyền giới thiệu sản phẩm của Bên A tới các khách hàng tại Việt Nam chưa được Bên A biết tới.</i></p> <p>List of current products of Party A and standards as set out in the Appendix. <i>Danh sách các sản phẩm hiện tại của Bên A và tiêu chuẩn như được nêu tại Phụ lục.</i></p>

<p>1.3. Commission Thù lao</p>	<p>a. Considering the efforts of Party B in introducing and connecting Party A with customers, Party B shall receive Commission from any and all sale and purchase contracts signed by Party A with the customers which is introduced by Party B at any time during the term of the Agreement and 24 (twenty-four) months from the date of termination of the Agreement.</p> <p><i>Xem xét những nỗ lực của Bên B trong việc giới thiệu và kết nối Bên A và khách hàng, Bên B sẽ được nhận thù lao từ bất kỳ và tất cả hợp đồng mua bán Bên A đã ký với khách hàng do Bên B giới thiệu vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của Thỏa Thuận và 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày chấm dứt Thỏa Thuận.</i></p> <p>b. Commission/ Thù lao:</p> <p>Calculated based on the amount of goods recorded in the sale and purchase contract between Party A and the customer introduced by Party B. The way of calculating is stipulated in the Appendix of this Agreement. Party A shall pay Party B on the date when Party A receives the payment for each installment from the customer.</p> <p><i>Tính dựa trên khối lượng hàng hóa ghi nhận tại hợp đồng mua bán giữa Bên A và khách hàng được giới thiệu bởi Bên B. Cách tính nêu tại Phụ lục của Thỏa Thuận. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B vào ngày Bên A nhận được tiền thanh toán từ khách hàng với từng đợt thanh toán.</i></p> <p>c. Commission has included taxes and fees (if any). Commission is non-refundable</p> <p><i>Thù lao đã bao gồm các loại thuế, lệ phí (nếu có). Thù lao là không hoàn lại</i></p> <p>d. In case that besides the payment, Party A receives the other amount of money and/or benefits from the customers arising from the sale and purchase contract (e.g. penalty, compensation), besides the Commission, Party B shall receive 10% of such amount of money and/or benefits.</p> <p><i>Trường hợp ngoài tiền hàng, Bên A nhận được khoản tiền và/hoặc lợi ích khác từ khách hàng phát sinh từ hợp đồng mua bán (như tiền phạt, bồi thường thiệt hại), ngoài thù lao, Bên B sẽ được nhận 10% khoản tiền và/hoặc lợi ích đó.</i></p>
<p>1.4. Risk Sharing Chia sẻ rủi ro</p>	<p>a. In the spirit of cooperation, Party B agrees to share risks with Party A, in particular:</p> <p><i>Trên tinh thần hợp tác, Bên B đồng ý chia sẻ rủi ro với Bên A, cụ thể:</i></p> <p>i. In case the customer does not pay any amount of money to Party A but not due to the violation of Party A, Party B shall not receive Commission.</p>

	<p><i>Trường hợp khách hàng không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Bên A mà không phải do vi phạm của Bên A, Bên B sẽ không nhận Thù lao.</i></p> <p>ii. In case the customer does not make payment fully to Party A but not due to the violation of Party A, Party B shall receive Commission corresponding to the quantity of goods which has been made payment by the customer.</p> <p><i>Trường hợp khách hàng không thanh toán đầy đủ cho Bên A mà không phải do vi phạm của Bên A, Bên B sẽ nhận Thù lao tương ứng với khối lượng hàng hóa đã được khách hàng thanh toán.</i></p> <p>b. Under this section 1.4, a violation is understood as the act of not complying with the provisions of the sale and purchase contract with the customer and/or the laws of Vietnam, the law of Hungary.</p> <p><i>Theo mục 1.4 này, vi phạm được hiểu là hành vi không thực hiện đúng quy định tại hợp đồng mua bán với khách hàng và/hoặc quy định pháp luật Việt Nam, pháp luật của Hung-ga-ri.</i></p>
<p>1.5. Payment method and currency, invoice Phương thức và đồng tiền thanh toán, hóa đơn</p>	<p>a. Party A shall transfer the Commission to Party B with the following account information:</p> <p><i>Bên A sẽ chuyển khoản tiền Thù lao cho Bên B với thông tin tài khoản như sau:</i></p> <p>i. Number account/ Số tài khoản: </p> <p>ii. Account holder's name/ Chủ tài khoản: </p> <p>iii. SWIFT Code/ Mã SWIFT: </p> <p>b. Currency payment/ Đồng tiền thanh toán: EUR</p> <p>c. The transfer fee shall be paid by Party A/ Chi phí chuyển khoản do Bên A thanh toán.</p> <p>d. Party B issues an invoice to Party A within 02 (two) working days from the date of receiving the payment from Party A.</p> <p><i>Bên B xuất hóa đơn cho Bên A trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khoản thanh toán từ Bên A.</i></p>
<p>1.6. Late payment Chậm thanh toán</p>	<p>In case, Party A is late in paying the Commission, Party B has the right to request Party A to pay the interest of late payment according to the interest of 1.5%/month calculated on the amount of late payment corresponding to the time of late payment.</p> <p><i>Trường hợp Bên A chậm thanh toán Thù lao, Bên B có quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền lãi chậm trả theo lãi suất 1.5%/tháng tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.</i></p>

ARTICLE 2. THE COMMITMENT OF PARTIES/ ĐIỀU 2 CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

2.1. The general commitment of Parties/ *Cam kết chung của Các Bên:*

- a. The participation and implementing Agreement and also implementing the transactions contemplated hereby of a Party is not and shall not be contrary to any the provisions of law governing to that Party; or internal regulations; or any agreements binding on that Party.

Việc tham gia và thực hiện Thỏa Thuận cũng như việc thực hiện các giao dịch được dự tính theo đó bởi một Bên không và sẽ không trái với: bất kỳ quy định pháp luật nào được áp dụng với Bên đó; hoặc quy định nội bộ; hoặc bất kỳ thỏa thuận nào có giá trị ràng buộc Bên đó.

- b. The information provided by a Party to the other Party prior to the date of this Agreement is true and complete.

Các thông tin được một Bên cung cấp cho Bên kia trước ngày của Thỏa Thuận này là: đúng và đầy đủ.

- c. A Party shall use its best endeavors to implement its obligations hereunder and the transactions contemplated hereby.

Một Bên sẽ nỗ lực hết mình để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Thỏa Thuận và các giao dịch dự tính theo đó.

- d. Keeping information confidential according to terms of Article 4 hereof.

Bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 4 Thỏa Thuận này.

- 2.2. Besides the commitments mentioned in Section 2.1, Party A additionally commits the following provisions:

Ngoài các cam kết nêu tại Mục 2.1, Bên A cam kết thêm các điều sau:

- a. Party A is legally established and operating under the law of **Hungary**, and Party A shall take all necessary measures to maintain this.

*Bên A được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật **Hung-ga-ri**, Bên A sẽ sử dụng các biện pháp cần thiết để duy trì điều này.*

- b. Party A guarantees the goods owned by Party A which fulfill the applicable legal standards and are not used to guarantee any obligations.

Bên A cam đoan hàng hóa thuộc sở hữu của Bên A, đáp ứng các tiêu chuẩn pháp luật áp dụng và đang và không phải dùng để đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào.

- c. Not sell goods to customers introduced by Party B without paying the Commission to Party B during the term of the Agreement and within 24 (twenty-four) months from the date of termination of the Agreement.

Không bán hàng hóa cho khách hàng được giới thiệu bởi Bên B mà không thanh toán Thù lao cho Bên B trong thời hạn của Thỏa Thuận và trong thời hạn 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày chấm dứt Thỏa Thuận.

- d. **Any notifications, consents or other communications that Party A send to customer shall be made in English and sent through Party B to customer.**

Mọi thông báo, sự đồng ý hoặc thông tin liên lạc khác mà Bên A gửi tới khách hàng đều sẽ được gửi thông qua Bên B.

- e. Hold Party B harmless against any liabilities, complaints or claims arising from the implementation of the sale and purchase contract between Party A and the customer.

Miễn trừ cho Bên B khỏi bất kỳ trách nhiệm, khiếu nại, khiếu kiện nào phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Bên A và khách hàng.

- 2.3. Besides the commitments mentioned in Section 2.1, Party B additionally commits the following provisions:

Ngoài các cam kết nêu tại Mục 2.1, Bên B cam kết thêm các điều sau:

- a. Party B is legally established and operating under the law of Vietnamese, and Party B shall take all necessary measures to maintain this.

Bên B được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, Bên B sẽ sử dụng các biện pháp cần thiết để duy trì điều này.

- b. Preserving the documents assigned to implement the Service and must return to Party A the documents provided after completing the work (if any).

Bảo quản các tài liệu được giao để thực hiện Dịch Vụ và phải hoàn trả cho Bên A các tài liệu đã được cung cấp sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

- c. Hold Party A harmless against any liabilities, complaints, claims arising from the implementation of Service of Party B.

Miễn trừ cho Bên A khỏi bất kỳ trách nhiệm, khiếu nại, khiếu kiện nào phát sinh từ việc thực hiện Dịch Vụ của Bên B.

ARTICLE 3. VIOLATION HANDLING/ ĐIỀU 3. XỬ LÝ VI PHẠM

- 3.1. Within the fullest extent permitted by law and not restrict other measures specified herein, Party B shall have the right to request and Party A is required to pay a penalty equal to 10% of the value of any and all contracts that Party A signed with the customer that:

Trong phạm vi tối đa được pháp luật cho phép và không hạn chế các biện pháp khác được nêu tại đây, Bên B được quyền yêu cầu và Bên A phải thanh toán khoản tiền phạt bằng 10% giá trị của bất kỳ và tất cả hợp đồng mà Bên A đã ký với khách hàng mà:

- a. Party A violates the commitment specified in point c Section 2.2;

Bên A vi phạm cam kết nêu tại điểm c Mục 2.2;

- b. Due to the fault of Party A that the customer fail to make any purchase payment.

Việc khách hàng không thanh toán bất kỳ khoản tiền mua hàng nào là do lỗi của Bên A.

Party A must pay this penalty within the time required by Party B.

Bên A phải thanh toán khoản tiền phạt này trong thời hạn được Bên B yêu cầu.

- 3.2. Within the fullest extent permitted by law, the act of the violating Party may be subjected to one or more of the following sanctions by the aggrieved party:

Trong phạm vi tối đa được pháp luật cho phép, hành vi vi phạm của Bên vi phạm có thể bị Bên bị vi phạm áp dụng một hoặc nhiều hơn các chế tài sau:

- a. Suspending temporarily of implementing the Agreement: The aggrieved Party has the right to suspend temporarily implementation of the obligations in the Agreement;

Tạm ngừng thực hiện Thỏa Thuận: Bên bị vi phạm có quyền tạm ngừng thực hiện các nghĩa vụ trong Thỏa Thuận;

- b. Terminating unilaterally the Agreement by notifying the other Party 30 (thirty) days in advance from the termination of the Agreement if: (i) The other Party violates the obligations of the

Agreement and (ii) The aggrieved Party has requested for remedy but the violating Party fails to implement the request within 15 (fifteen) days from the date of receiving the request.

Đơn phương chấm dứt Thỏa Thuận bằng cách thông báo cho Bên kia trước 30 (ba mươi) ngày kể từ chấm dứt Thỏa Thuận khi: (i) Bên kia vi phạm các nghĩa vụ của Thỏa Thuận và (ii) Bên bị vi phạm đã yêu cầu khắc phục nhưng Bên vi phạm không thực hiện trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

ARTICLE 4. CONFIDENTIAL INFORMATION/ ĐIỀU 4. BẢO MẬT THÔNG TIN

4.1. The contents of the Agreement as well as the information disclosed by Parties ("Confidential Information") shall be kept confidential and not disclosed to any third party except for the request of the competent state authorities.

Các nội dung của Thỏa Thuận này cũng như các thông tin được tiết lộ bởi Các Bên ("Thông Tin Bảo Mật") sẽ được bảo mật và không được tiết lộ cho Bên thứ ba trừ khi được yêu cầu bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.2. Confidential Information shall only be used for works that serve the implementation of this Agreement.

Thông Tin Bảo Mật sẽ chỉ được sử dụng cho các công việc nhằm phục vụ việc thực hiện Thỏa Thuận này.

4.3. A third party is any parties that are not a party of this Agreement. Third party does not include employees and advisers of a Party who need to know Confidential Information to implement their work.

Bên thứ ba là bất kỳ bên nào không phải là một bên của Thỏa Thuận này. Bên thứ ba không bao gồm nhân viên và cố vấn của một Bên, những người cần được biết Thông Tin Bảo Mật để thực hiện công việc của họ.

4.4. The recipient of Confidential Information must maintain the necessary confidentiality measures to protect such Confidential Information.

Bên nhận Thông Tin Bảo Mật phải duy trì các biện pháp bảo mật cần thiết để bảo vệ các thông tin mật này.

4.5. Confidential obligations shall survive the termination of this Agreement.

Nghĩa vụ bảo mật sẽ duy trì ngay cả khi Thỏa Thuận này chấm dứt.

ARTICLE 5. TERM AND TERMINATION AGREEMENT/ ĐIỀU 5. THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT THỎA THUẬN

5.1. The term of this Agreement is 12 (twelve) months from the date the Agreement is signed by the last Party. This Agreement may be extended by agreement of the Parties.

Thời hạn của Thỏa Thuận này là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Thỏa Thuận được ký bởi Bên cuối cùng. Thỏa Thuận này có thể được gia hạn theo thỏa thuận của Các Bên.

5.2. The Agreement shall terminate before the term specified in Section 5.1 in the following cases:

Thỏa Thuận sẽ chấm dứt trước thời hạn nêu tại Mục 5.1 trong các trường hợp sau:

a. Terminating in accordance with Section 3.2.

Chấm dứt theo quy định tại Mục 3.2

b. Parties agree to terminate Agreement;

Các Bên đồng ý chấm dứt Thỏa Thuận;

- c. A Party goes bankrupt or is dissolved;

Một Bên rơi vào trường hợp giải thể, phá sản;

- d. Due to Force Majeure Event specified in Section 9.3 last for 30 (thirty) days or more;

Sự Kiện Bất Khả Kháng nêu tại Mục 9.3 kéo dài từ 30 (ba mươi) ngày trở lên;

- e. Due to the decision of the competent state authorities and/or the provisions of law.

Do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc quy định pháp luật.

- 5.3. The termination of the Agreement does not terminate the obligation to pay compensation and penalty according to the Agreement. Upon the termination of the Agreement, each Party must pay the amount of money owed to the other Party.

Việc chấm dứt Thỏa Thuận không làm chấm dứt nghĩa vụ chi trả tiền bồi thường và phạt theo quy định của Thỏa Thuận. Khi chấm dứt Thỏa Thuận, mỗi Bên phải thanh toán các khoản tiền còn nợ Bên kia.

ARTICLE 6. THE RELATIONSHIP BETWEEN PARTIES/ ĐIỀU 6. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BÊN

- 6.1. The relationship between Party A and Party B is the relationship of cooperation. Party B is not an agency or franchisee/licensee of Party A.

Mối quan hệ giữa Bên A và Bên B là mối quan hệ hợp tác. Bên B không phải là đại lý hay bên nhận quyền/bên được cấp phép của Bên A.

- 6.2. Party B does not have the right to act on behalf of Party A to conduct transactions/enter into any contract, agreement on behalf of Party A.

Bên B không có quyền thay mặt Bên A thực hiện giao dịch/giao kết hợp đồng, thỏa thuận nhân danh Bên A.

- 6.3. Party B does not have liabilities or obligations for the acts or shortcomings of Party A related to the implementation of the sale and purchase contract with the customer.

Bên B không chịu trách nhiệm hoặc nghĩa vụ về các hành vi hoặc thiếu sót của Bên A liên quan đến việc thực hiện hợp đồng mua bán với khách hàng.

ARTICLE 7. NOTIFICATION/ ĐIỀU 7. THÔNG BÁO

Any notifications, consents or other communications required or permitted according to this Agreement shall be made in English and shall be deemed to be sent if: (a) is delivered in person; (b) sent by sending an email; or (c) sent by a recognized courier service offering a delivery receipt (e.g., UPS, DHL or FedEx) to the following addresses (which may be changed by written notice):

Mọi thông báo, sự đồng ý hoặc thông tin liên lạc khác được yêu cầu hoặc cho phép theo Thỏa Thuận này sẽ được lập bằng tiếng Anh và sẽ được coi là đã được gửi đi khi: (a) được giao cá nhân; (b) được gửi bằng cách gửi email; hoặc (c) được gửi bằng bên cung cấp dịch vụ chuyển phát có biên nhận (ví dụ: UPS, DHL hoặc FedEx) tới các địa chỉ sau (mà có thể được thay đổi bằng thông báo bằng văn bản):

- a. To Party A: Phone number: _____; Fax: _____; Email: _____;
Address: _____ and To: Mr./Mrs. _____

Tới Bên A: Số điện thoại: _____; Fax: _____; Email: _____; Địa chỉ: _____ và Tới: _____.

b. To Party B: Phone number: _____; Fax: _____; Email: _____ ;
Address: _____ and To: Mrs. Dang Thi Dung.

Tới Bên B: Số điện thoại: _____; Fax: _____; Email: _____; Địa chỉ: _____ và Tới: Bà Đặng Thị Dung.

ARTICLE 8. APPLICABLE LAW AND DISPUTE RESOLUTION/ ĐIỀU 8. PHÁP LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

8.1. This Agreement is governed by the laws of Vietnam.

Thỏa Thuận này sẽ được điều chỉnh bởi luật pháp Việt Nam.

8.2. Any dispute arising out of or relating to this Agreement or other documents relating to the implementation of the Agreement ("Dispute") shall be resolved first with the best efforts of the Parties.

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Thỏa Thuận này hoặc các tài liệu khác liên quan đến việc thực hiện Thỏa Thuận ("Tranh chấp") sẽ được giải quyết trước tiên bằng nỗ lực cao nhất của các Bên.

8.3. In case, the Parties are unable to resolve the Dispute, such Dispute shall be resolved by the Vietnam International Arbitration Center at the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VIAC) in accordance with VIAC's Arbitration Rules: (a) the number of arbitrators shall be 01 (one); (b) the venue shall be in Ho Chi Minh City, Vietnam; (c) the governing law of the Agreement is the law of Vietnam; (d) the language be used in arbitration proceedings shall be in English and Vietnamese.

Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết được Tranh chấp, thì Tranh chấp đó sẽ được giải quyết bởi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam tại Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc Trọng tài của VIAC: (a) số lượng trọng tài viên sẽ là 01 (một); (b) địa điểm phân xử sẽ ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; (c) luật điều chỉnh của Thỏa Thuận là luật Việt Nam; (d) ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài phải bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt.

8.4. Decisions of the arbitrator shall be accepted by the Parties as the final decision. Arbitration fees and all other costs paid by the prevailing party (including the fees of attorney) shall be borne by the losing party.

Các quyết định của trọng tài sẽ được Các Bên chấp nhận là quyết định cuối cùng. Phí trọng tài và tất cả các chi phí khác mà bên thắng kiện đã chi trả (bao gồm cả phí luật sư) sẽ do bên thua kiện chịu.

ARTICLE 9. MISCELLANEOUS/ ĐIỀU 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1. If a Party has a division, separation, consolidation, merger, change of nature, change of business form or any other changes related to ownership, management or administration of each Party, the terms agreed herein shall not be affected and still binding on assignor(s).

Trường hợp một Bên có sự chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thay đổi tính chất, loại hình hay bất kỳ thay đổi nào khác có liên quan đến quyền sở hữu, quản lý, điều hành của mỗi Bên thì các điều khoản theo Thỏa Thuận này không bị chi phối, Thỏa Thuận này vẫn có giá trị thực hiện cho (các) Bên kế thừa

9.2. If a term in the Agreement is determined by the competent authority to be invalid/unenforceable, the remaining terms of the Agreement shall not be affected. The Parties shall agree to amend such term in accordance with the Parties' will and laws as soon as possible.

The Parties shall continue and not interrupt the implementation of other Agreement's terms that are still valid.

Nếu có điều khoản trong Thỏa Thuận bị cơ quan có thẩm quyền xác định là vô hiệu/không thể thi hành, các điều khoản còn lại của Thỏa Thuận cũng sẽ không bị ảnh hưởng. Các Bên sẽ thỏa thuận để sửa đổi điều khoản đó cho phù hợp với ý chí Các Bên và quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất. Các Bên sẽ tiếp tục và không làm gián đoạn việc thực hiện các điều khoản vẫn đang có giá trị của Thỏa Thuận.

9.3. Force Majeure Event/ Sự Kiện Bất Khả Kháng

- a. Force Majeure Event is an event occurring objectively that cannot be foreseen and cannot be remedied despite all necessary measures and permissible ability. Force Majeure Events include but are not limited to: (i) Natural disasters, earthquakes, floods, storms, explosions, fires, epidemic and natural disasters; (ii) War, action against government, terrorism, epidemic, riot, strike and demonstration; (iii) Actions and decisions of competent authorities in Vietnam or **Hungary** such as embargo or change of policy or withdrawal of operating license.

*Sự Kiện Bất Khả Kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các Sự Kiện Bất Khả Kháng bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp: (i) Thiên tai, động đất, lũ lụt, bão, cháy nổ, hỏa hoạn, bệnh dịch và các thảm họa thiên nhiên; (ii) Chiến tranh, hành động chống phá chính quyền, khủng bố, bạo loạn, đình công, biểu tình; (iii) Các hành động, quyết định của cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam hoặc **Hung-ga-ri** như cấm vận hay thay đổi chính sách hay rút giấy phép hoạt động.*

- b. A Party who fails to conduct its obligations properly due to the Force Majeure Event shall not be liable to the other Party provided that this Party has notified the other Party as soon as when know or must know about the Force Majeure Event.

Trường hợp một Bên không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình do Sự Kiện Bất Khả Kháng thì không phải chịu trách nhiệm với Bên kia với điều kiện Bên này đã thông báo cho Bên kia ngay từ khi biết hoặc phải biết về Sự Kiện Bất Khả Kháng.

- 9.4. A waiver by any Party to any of the provisions of this Agreement shall be invalid unless expressly specified in writing and signed by the Party waiving. Failing to implement, or delay implementing of any right, measure, power or privilege arising out of this Agreement shall not constitute or be construed as a waiver.

Việc từ bỏ bởi bất kỳ Bên nào với bất kỳ điều khoản nào trong Thỏa Thuận này sẽ không có hiệu lực trừ khi được quy định rõ ràng bằng văn bản và có chữ ký của Bên từ bỏ. Việc không thực hiện, hoặc trì hoãn thực hiện, bất kỳ quyền, biện pháp, quyền lực hoặc đặc quyền nào phát sinh từ Thỏa Thuận này sẽ không cấu thành hoặc được hiểu là sự từ bỏ.

- 9.5. This Agreement constitutes an entire agreement between Parties related to the matter mentioned in this Agreement and supersedes all previous written or oral commitments or agreements.

Thỏa Thuận này tạo thành thỏa thuận thống nhất giữa Các Bên liên quan đến vấn đề đã đề cập trong Thỏa Thuận này và thay thế tất cả các cam kết, thỏa thuận bằng văn bản hoặc bằng miệng hoặc văn bản trước đó.

- 9.6. The Agreement may be established by a Party signing for confirmation and sending it to the other Party by postal or fax or email.

Thỏa Thuận có thể được xác lập bằng cách một Bên ký xác nhận và gửi cho Bên còn lại bằng hình thức bưu điện hoặc fax hoặc email.

9.7. Any changes to this Agreement must be agreed in writing by the Parties.

Mọi thay đổi với Thỏa Thuận này phải được Các Bên thống nhất bằng văn bản.

9.8. All titles in this Agreement are for reference only and shall not affect the meaning of the clauses of this Agreement.

Mọi tiêu đề trong Thỏa Thuận này chỉ nhằm mục đích tham khảo và sẽ không làm ảnh hưởng tới ý nghĩa của các điều khoản trong Thỏa Thuận này.

9.9. This Agreement is made into 02 (two) English-Vietnamese bilingual versions, each Party keeps one (01) copy with equal legal validity. In case of any discrepancy between English and Vietnamese content, English content shall prevail.

Thỏa Thuận này được lập thành 02 (hai) bản song ngữ Anh-Việt, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung Tiếng Việt và nội dung Tiếng Anh, nội dung Tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

The Parties have read and fully understood the entire contents of this Agreement and sign and seal below.

Các Bên đã đọc, hiểu rõ toàn bộ nội dung của Thỏa Thuận này và ký và đóng dấu dưới đây.

REPRESENTATIVE OF PARTY A:

ĐẠI DIỆN BÊN A: _____

Date / Ngày: ___/___/20___

Title/ Chức vụ: _____

REPRESENTATIVE OF PARTY B: DANG THI DUNG

ĐẠI DIỆN BÊN B: ĐẶNAAAAA

Date/ Ngày: ___/___/20___

Title/ Chức vụ: Director/ Giám đốc

APPENDIX I/ PHỤ LỤC I
LIST OF GOODS
DANH SÁCH HÀNG HÓA

Product's name <i>Tên sản phẩm</i>	Mass Unit/ <i>Đơn vị tính</i>	Commission of Party A/ton <i>Thù lao Bên A được hưởng/ tấn</i>	Note <i>Lưu ý</i>
Aluminium USED BEVERAGE CAN ("UBC") Scraps in Bales <i>Phế liệu nhôm lon nước giải khát đã qua sử dụng được đóng kiện.</i>	Ton/Tấn	EUR 90 90 EUR	Commodity meets conditions of quantity and quality as agreed with customer <i>Hàng Hóa đáp ứng các điều kiện về khối lượng và chất lượng như thỏa thuận với khách hàng</i>